



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO



BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ

số tháng 4/2023



MỤC LỤC

PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI	1
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 03/2023 và Quý I/2023	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	3
2. Dự báo tăng trưởng	7
PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM	9
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 03/2023 và Quý I/2023	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	10
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	10
1.1.2. Xuất nhập khẩu	11
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	12
1.1.4. Hoạt động đầu tư	13
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	14
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	14
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	14
1.2.2. Lãi suất	14
1.2.3. Tỷ giá	15
1.2.4. Chứng khoán	16
1.2.5. Lạm phát	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	18
PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO	20
1. Thị trường dầu thô	20
2. Thị trường khí	23
3. Thị trường phân bón	25
4. Thị trường điện	28
PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	30
<i>Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 3 năm 2023</i>	31



PHẦN I

KINH TẾ THẾ GIỚI

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 03/2023 VÀ QUÝ I/2023

1.1. Tổng quan chung

Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu đã giảm xuống 49,6 trong tháng 3/2023, giảm 0,4 từ 50,0 trong tháng 2. Mức PMI bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng sản lượng và việc làm chậm hơn cùng với sự cải thiện hơn nữa về thời gian giao hàng của nhà cung cấp. Mặc dù các đơn đặt hàng mới và dự trữ hàng mua đều giảm, tốc độ thu hẹp đã giảm bớt khi tiến gần đến mức ổn định.

Trong Quý I, thế giới tiếp tục chứng kiến những biến động kinh tế khó lường, đặc biệt là cuộc khủng hoảng ngân hàng ở Mỹ và Thụy Sĩ đặt ra mối lo về một cuộc khủng hoảng tài chính mới tương tự như hồi năm 2008.

Nền kinh tế Mỹ đang có những dấu hiệu suy yếu nhưng lạm phát chưa giảm rõ rệt sau 9 lần nâng lãi suất liên tiếp. Dù vậy, kinh tế Trung Quốc phục hồi tốt và nền kinh tế châu Âu tránh được suy thoái được xem là hai điểm sáng trong bức tranh kinh tế toàn cầu Quý I vừa qua.

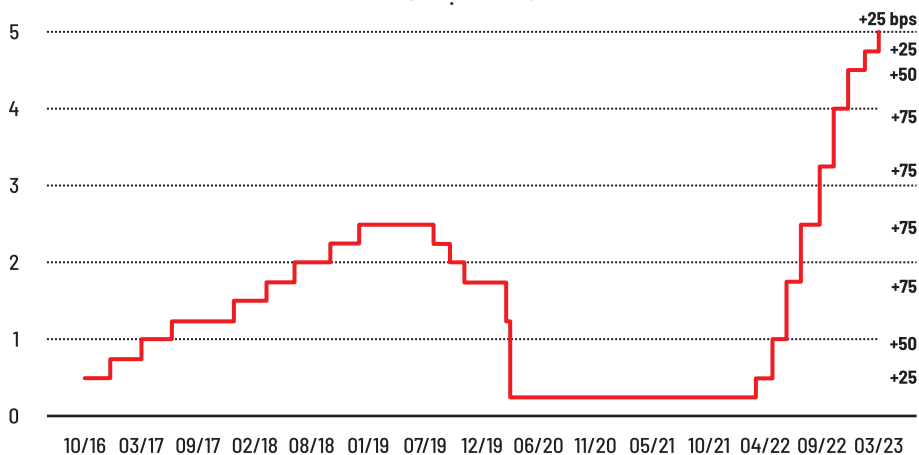
Các ngân hàng trung ương trên toàn thế giới đã tăng lãi suất nhằm kiểm chế lạm phát đã lên tới mức kỷ lục trong nhiều thập kỷ, nhưng thị trường lo ngại rằng chi phí vay tăng có thể khiến các nền kinh tế rơi vào suy thoái.

Sau 2 tuần thị trường hỗn loạn với sự sụp đổ của 3 ngân hàng ở Mỹ. *Ngày 22/3, Fed đã tăng lãi suất ở mức 1/4 điểm*, phù hợp với dự kiến trước đó, đưa lãi suất lên phạm vi mục tiêu 4,75 - 5,00% vào cuối cuộc họp chính sách kéo dài hai ngày, từ 21-22/3.

Lần tăng lãi suất mới nhất của Fed có cùng quy mô với quyết định về lãi suất trước đó của ngân hàng trung ương vào tháng 2 và đánh dấu *lần tăng lãi suất thứ 9 liên tiếp*. Quyết định này cũng nêu bật quyết tâm của Fed trong giải quyết lạm phát.

GIỚI HẠN TRÊN TRONG KHOẢNG LÃI SUẤT MỤC TIÊU CỦA FED

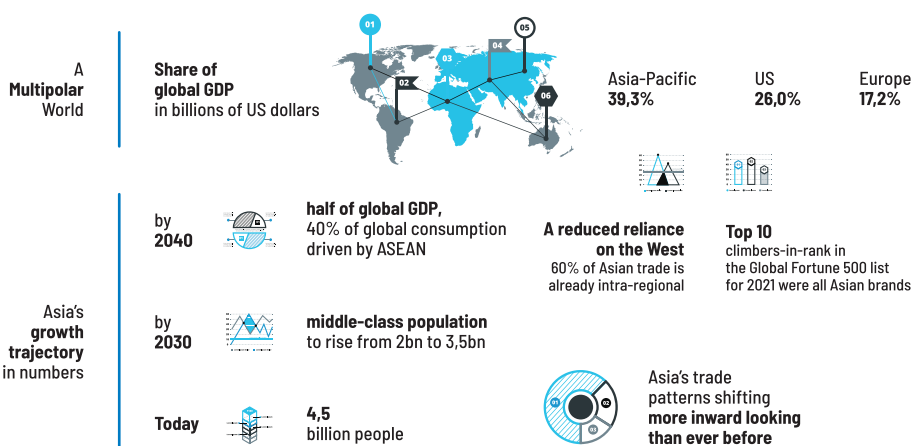
Đơn vị tính: %



Nguồn: Fed (từ tháng 10/2016 đến 23/3/2023)

Tình hình thế giới thời gian gần đây tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường. Hòa bình, hợp tác, liên kết để phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục gia tăng với hình thái đa dạng. Tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước, sản xuất và lưu thông toàn cầu thay đổi, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Xung đột Nga - Ukraina diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, tác động lâu dài, sâu rộng đến mọi mặt của đời sống thế giới. Dưới ảnh hưởng đó, thế giới đang chuyển sang một thế giới đa cực hỗn loạn, nơi mọi thứ đều có thể là vũ khí: năng lượng, dữ liệu, tài chính tiền tệ cơ sở hạ tầng, di cư, ... Trong bối cảnh đó, Châu Á - Thái Bình Dương trở thành điểm đến hấp dẫn vì sự ổn định và tăng trưởng tích cực.

CHÂU Á CÓ SỨC HẤP DẪN KINH TẾ LỚN HƠN TRONG MỘT THẾ GIỚI NGÀY Càng ĐA CỰC



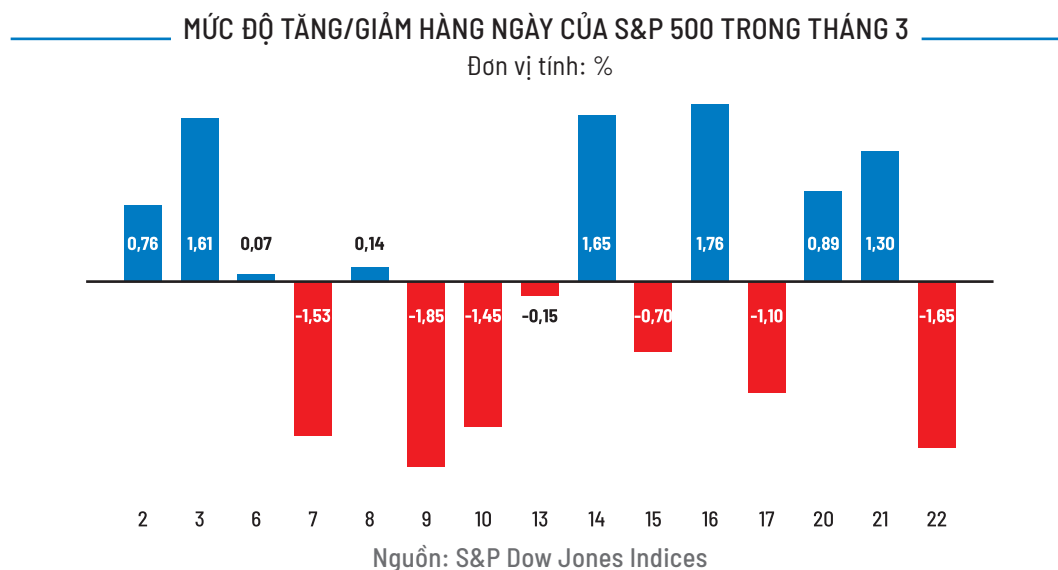
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

▪ Kinh tế Mỹ

Chỉ số PMI sản xuất đạt 49,2 vào tháng 3/2023, tăng 1,9 điểm từ 47,3 vào tháng 2/2023 và vẫn ở dưới ngưỡng 50. Chỉ số này đã tăng trong tháng thứ ba liên tiếp báo hiệu tốc độ suy giảm chậm nhất. Mặc dù sản lượng tăng, nhưng nhu cầu của khách hàng vẫn im ắng do các đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm vào cuối quý đầu tiên. Doanh số bán hàng mới giảm do lãi suất cao hơn và lạm phát tiếp tục gây áp lực lên sức mua của khách hàng.

Tháng 3/2023, 3 ngân hàng của Mỹ sụp đổ liên tiếp và nhiều nhà băng khác lâm vào khó khăn về thanh khoản do khách hàng ồ ạt rút tiền. Sự đổ vỡ lần này phần lớn là do chính sách tiền tệ thắt chặt quá mức, làm rạn nứt hệ thống, đặc biệt ở những ngân hàng mà danh mục đầu tư không đa dạng và yếu về thanh khoản.

Ngay sau đó, thị trường chứng khoán Mỹ đã giảm điểm mạnh khi Fed tiếp tục tăng lãi suất và thừa nhận rằng biến động trong hệ thống ngân hàng có thể làm giảm tốc nền kinh tế vốn đang mong manh.



Điểm tích cực là chính quyền Mỹ đã ngay lập tức có phản ứng rất nhanh và thiết thực, bảo đảm quyền lợi người gửi tiền để khôi phục lòng tin thị trường, ngăn chặn được đà tháo chạy, để từ đó dần tìm ra các biện pháp khắc phục hiệu quả hơn.

Sau 9 lần nâng lãi suất liên tiếp của Fed trong vòng một năm với tổng mức tăng 4,25 điểm phần trăm, giới chuyên gia hiện không có quan điểm đồng nhất về việc Fed cần tăng lãi suất đến mức nào để đạt mục tiêu lạm phát, hoặc việc tăng lãi suất để đạt tới mục tiêu đó liệu có dẫn tới tình trạng suy thoái kinh tế kèm theo tỷ lệ thất nghiệp tăng vọt hay không. Thách thức lớn nhất của Fed chính là Fed đã chấp nhận đánh đổi tăng trưởng và việc làm lấy lạm phát thấp và ổn định, nhưng chưa chắc có

thể đạt được kết quả như vậy. Rất có thể nền kinh tế sẽ sụt tốc mạnh và thất nghiệp tăng vọt, nhưng lạm phát vẫn dai dẳng ở mức cao. Theo dự báo của Fed đưa ra trong cuộc họp tháng 3, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ sẽ tăng lên mức 4,5% trong năm nay, từ mức 3,6% hiện tại.

Cả năm 2022, kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,1%, giảm mạnh so với mức tăng trưởng 5,9% đạt được trong năm 2021. Trong lúc số liệu chưa được công bố, phần lớn các chuyên gia kinh tế tin rằng nền kinh tế lớn nhất thế giới tiếp tục giảm tốc mạnh trong quý 1 vừa qua. Giới chức Fed vẫn tin tưởng có thể đưa nền kinh tế hạ cánh mềm, tức tăng trưởng chỉ giảm tốc ở mức vừa đủ để kéo lạm phát xuống mà không khiến nền kinh tế suy thoái. Fed dự báo nền kinh tế Mỹ sẽ tăng trưởng 0,4% trong năm 2023.

Tuy nhiên, giới phân tích nghi ngờ kịch bản hạ cánh mềm, cho rằng kinh tế Mỹ suy thoái chỉ là vấn đề thời gian và suy thoái nông hay sâu mà thôi. Một số tổ chức dự báo đưa ra triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ năm nay âm đậm hơn nhận định của Fed, như Euromonitor International hồi tháng 2 - trước khi xảy ra khủng hoảng ngân hàng - cho rằng kinh tế Mỹ chỉ tăng 0,2%.

Cuộc khủng hoảng ngân hàng càng khiến nguy cơ kinh tế Mỹ suy thoái lớn hơn bao giờ hết, bởi xảy ra đúng lúc nền kinh tế bắt đầu “ngấm đòn” lãi suất tăng. Sự thận trọng gia tăng trong bối cảnh này sẽ khiến các điều kiện tài chính thắt chặt hơn nữa, dẫn tới các hoạt động kinh tế càng giảm sút. Chưa kể, nguy cơ giá dầu tăng trở lại mốc 100 USD/thùng sau khi Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC) và đồng minh cắt giảm mạnh sản lượng cũng làm gia tăng gánh nặng đối với kinh tế Mỹ...

OECD dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ sẽ **chậm lại từ 1,5% trong năm nay xuống 0,9% trong năm 2024** do lãi suất cao hơn làm giảm nhu cầu.

Trước những thách thức mới mà Mỹ gặp phải gần đây, *Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs* cũng đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng của nền kinh tế số 1 thế giới này. Cụ thể, trong năm 2023, *GDP của Mỹ được dự báo sẽ chỉ tăng trưởng 1,2%, giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trước đó*. Theo Goldman Sachs, đây là hệ quả của việc hệ thống các ngân hàng vừa và nhỏ - vốn chiếm tỷ lệ lớn trong cung ứng nguồn tín dụng tại Mỹ, thắt chặt điều kiện cho vay nhằm giảm thiểu rủi ro, sau một số vụ phá sản ngân hàng gần đây.

▪ *Kinh tế Trung Quốc*

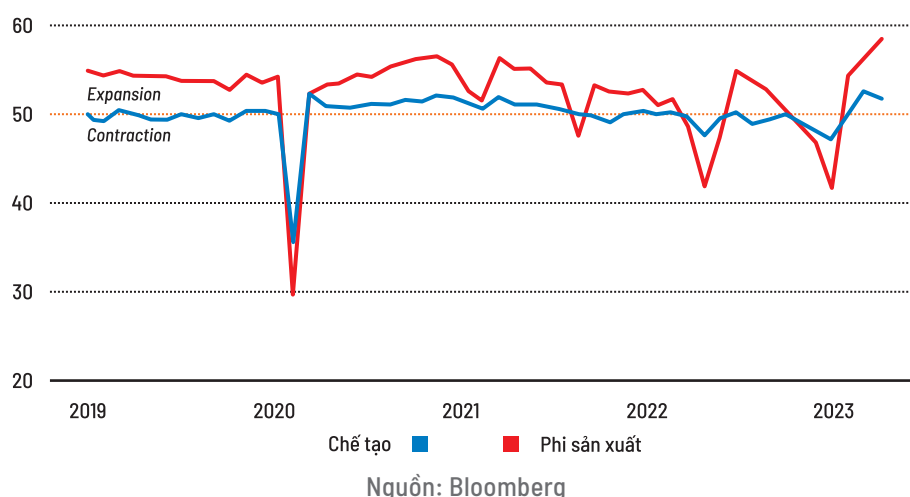
Nền kinh tế của Trung Quốc đã hồi phục và tăng tốc trong tháng 3, với hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng và hoạt động mảng dịch vụ và xây dựng tăng trưởng mạnh.

Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố ngày 31/3, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) đã giảm xuống 51,9 trong tháng 3/2023 từ mức 52,6 của tháng 2/2023, nhưng chỉ số này vẫn ở trên mốc 50 cho thấy sự mở rộng sản xuất hơn so với tháng trước, cho thấy nền kinh tế nước này đang tiếp tục phục hồi.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

PMI là chỉ số chính thức đầu tiên được công bố về hoạt động kinh tế của Trung Quốc trong tháng 3, cho thấy sự phục hồi của nền kinh tế nước này đang mạnh lên sau khi các hạn chế nghiêm ngặt được gỡ bỏ và làn sóng lây nhiễm Covid giảm bớt.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA TRUNG QUỐC TĂNG LÊN MỨC CAO NHẤT KỂ TỪ NĂM 2011



Cũng trong tháng 3, *Trung Quốc đã trở thành quốc gia dẫn đầu trong việc nhập khẩu dầu của Nga*, trong khi Nga sẵn sàng tăng nguồn cung dầu liên tục cho nhu cầu của nền kinh tế Trung Quốc. Triển vọng rộng lớn cho sự hợp tác Nga - Trung cũng đang mở ra trong lĩnh vực khí đốt.

Trên cơ sở đó, Ngân hàng Societe Generale (Pháp) dự báo, tăng trưởng GDP Trung Quốc năm nay có thể đạt 5,8%, với động lực lớn là việc thị trường bất động sản phục hồi. Con số trên 5% tương đồng với dự báo của các ngân hàng lớn khác như: Citi, Morgan Stanley, HSBC, JP Morgan, Goldman Sachs.

Sau khi nới lỏng các biện pháp ngăn ngừa COVID-19, nền kinh tế Trung Quốc được OECD dự báo tăng trưởng 5,3% trong năm nay và 4,9% vào năm 2024, tăng so với dự báo hồi tháng 11/2022 lần lượt là 4,6% và 4,1%.

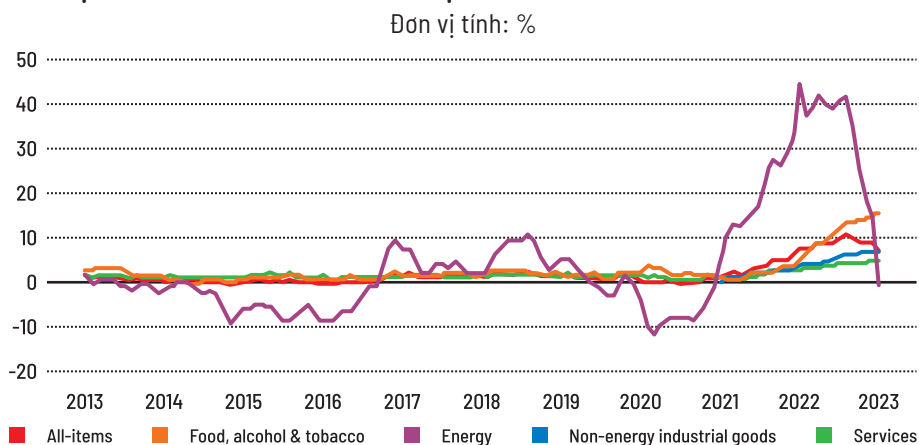
▪ *Kinh tế EU*

Chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu tháng 3/2023 giảm xuống mức thấp nhất trong bốn tháng, đạt 47,3 điểm, giảm 1,2 điểm so với mức 48,5 vào tháng Hai. Mặc dù cho thấy sức khỏe của khu vực sản xuất khu vực đồng euro đang suy giảm rõ rệt hơn, nhưng phần lớn sự sụt giảm hàng tháng là do thời gian giao hàng của các nhà tăng cung cấp được rút ngắn, trong khi các thành phần chính của chỉ số như sản lượng, đơn đặt hàng mới và việc làm ít thay đổi.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

Nền kinh tế EU đã tránh được suy thoái và đình lạm phát trong khu vực đã qua. Lạm phát tháng 3/2023 của khu vực đồng Euro dự kiến sẽ là 6,9%, giảm từ mức 8,5% vào tháng 2 năm 2023. Tuy nhiên, mối đe dọa về một cuộc suy thoái mới đang lớn dần với khu vực, do chi phí quá lớn của các chính phủ châu Âu để chống lại sự phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung cấp năng lượng từ Nga.

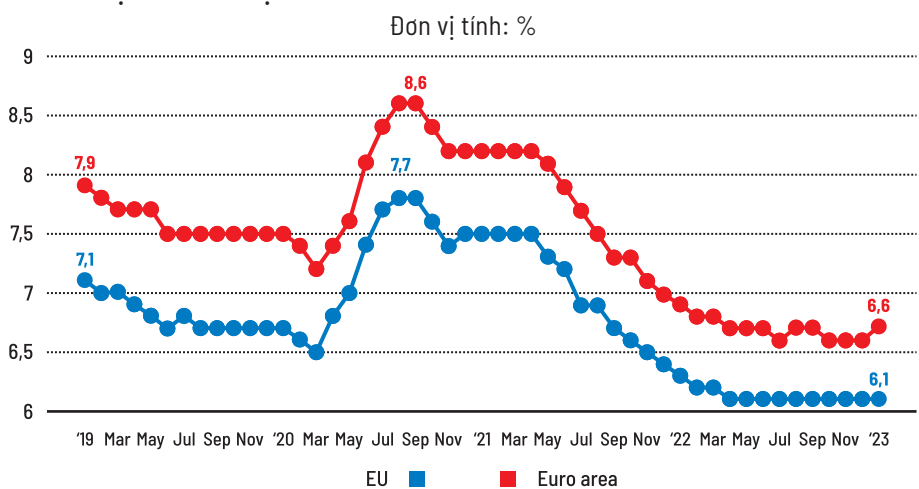
LẠM PHÁT HÀNG NĂM CỦA KHU VỰC ĐỒNG EURO TỪ 03/2013 - 03/2023



Nguồn: Eurostat

Bên cạnh đó, kinh tế châu Âu còn chịu ảnh hưởng tiêu cực từ việc đình đốn sản xuất, dịch vụ do các cuộc biểu tình kéo dài ở Đức, Anh và Pháp liên quan đến việc làm, thu nhập và giá cả hàng hóa.

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP THEO THÁNG Ở CHÂU ÂU VÀ EUROZONE 2019-2023



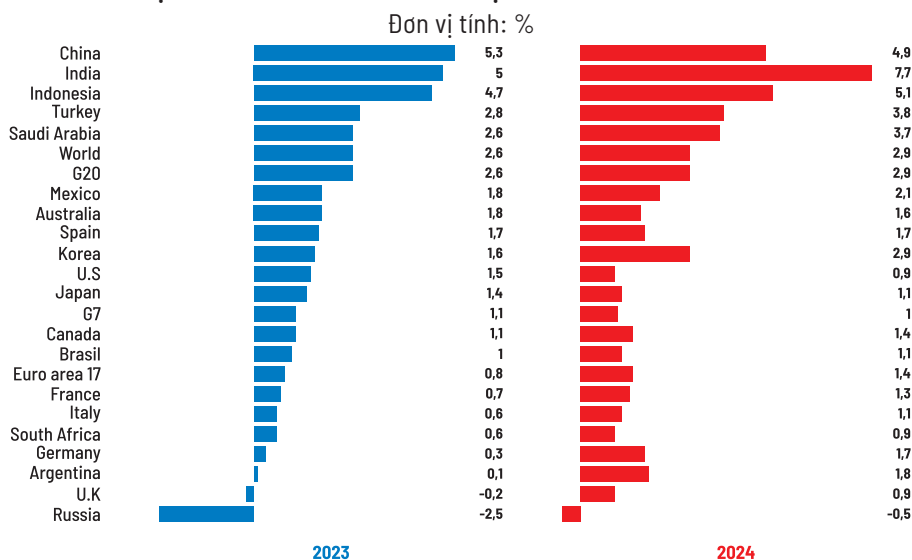
Nguồn: Eurostat

OECD dự báo triển vọng của kinh tế Eurozone sẽ được cải thiện nhờ giá năng lượng giảm, do đó nền kinh tế Eurozone dự kiến sẽ đạt mức tăng trưởng 0,8% trong năm nay, sau đó là 1,5% vào năm 2024.

2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong báo cáo triển vọng kinh tế tạm thời xuất bản tháng 3/2023, OECD cho rằng tăng trưởng toàn cầu tiếp tục chậm lại từ 3,2% năm 2022 (thấp hơn 1 điểm phần trăm so với dự báo cuối năm 2021) và dự kiến sẽ duy trì ở tốc độ chậm vào năm 2023 và 2024.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP THỰC CHO NĂM 2023 VÀ 2024

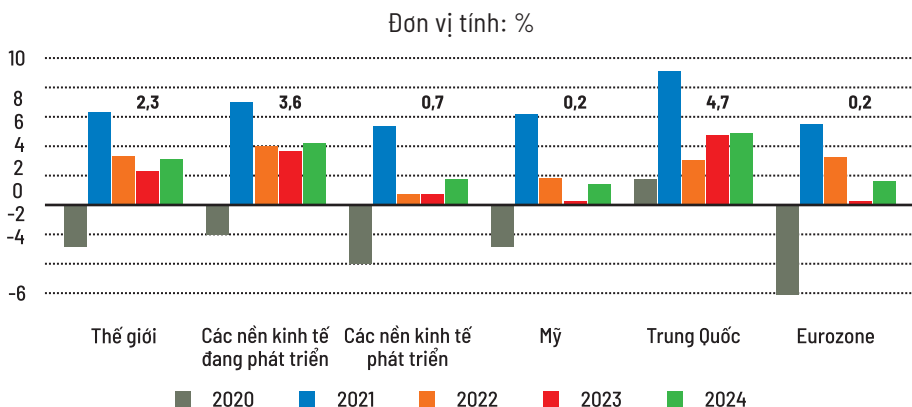


Nguồn: OECD Economic Outlook Interim Report March 2023

OECD cũng dự báo lạm phát tại Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) sẽ giảm từ 8,1% trong năm 2022 xuống 5,9% trong năm nay và tiếp tục giảm xuống 4,5% vào năm 2024, song vẫn cao hơn mục tiêu đề ra bất chấp việc nhiều ngân hàng trung ương tăng lãi suất.

Ngày 26/3, IMF cũng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại dưới 3% trong năm nay vì tác động của cuộc chiến Ukraine và tổn thương từ đại dịch Covid-19 cũng như chiến dịch thắt chặt tiền tệ của các ngân hàng trung ương trên thế giới.

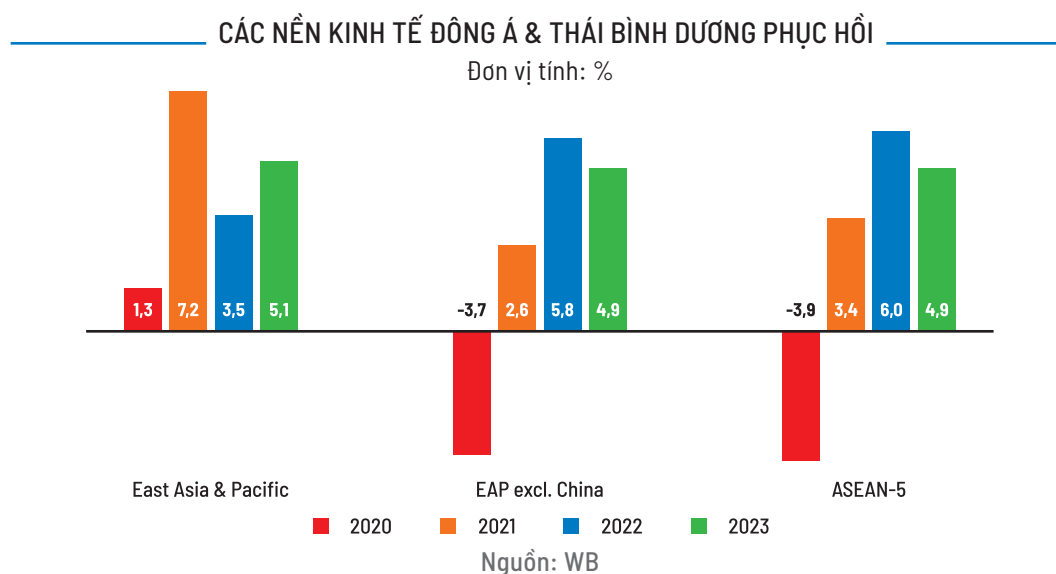
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ CÁC NĂM TỪ 2020 - 2024



Nguồn: Euromonitor International Macro Model

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

Trong bản cập nhật triển vọng kinh tế cho khu vực của WB mới được công bố ngày 31/3, các nền kinh tế của khu vực Đông Á và Thái Bình Dương sẽ tăng trưởng khoảng 5,1% trong năm nay từ mức 3,5% vào năm 2022. Triển vọng tăng trưởng của khu vực này đã tăng so với ước tính 4,6% cho năm 2023 mà WB công bố từ tháng 10/2022, chủ yếu do dự báo tăng trưởng của Trung Quốc sẽ nhanh hơn, hiện được dự đoán sẽ tăng 5,1% trong năm nay thay vì con số 4,5% được đưa ra từ 6 tháng trước.



Theo các chuyên gia kinh tế tài chính, năm 2023 vẫn hiện hữu những rủi ro, thách thức chính bao gồm:

- *Xung đột địa chính trị kéo dài và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.*
- *Sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Mỹ, Thụy Sĩ làm tăng rủi ro thị trường tài chính – tiền tệ toàn cầu, rủi ro nợ xấu và vỡ nợ gia tăng.*
- *Rủi ro an ninh năng lượng, an ninh lương thực.*
- *Giá cả, lạm phát, lãi suất toàn cầu còn ở mức cao, rủi ro tài chính tăng khiến tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu mong manh hơn gây tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính - tiền tệ.*



PHẦN II

KINH TẾ VIỆT NAM

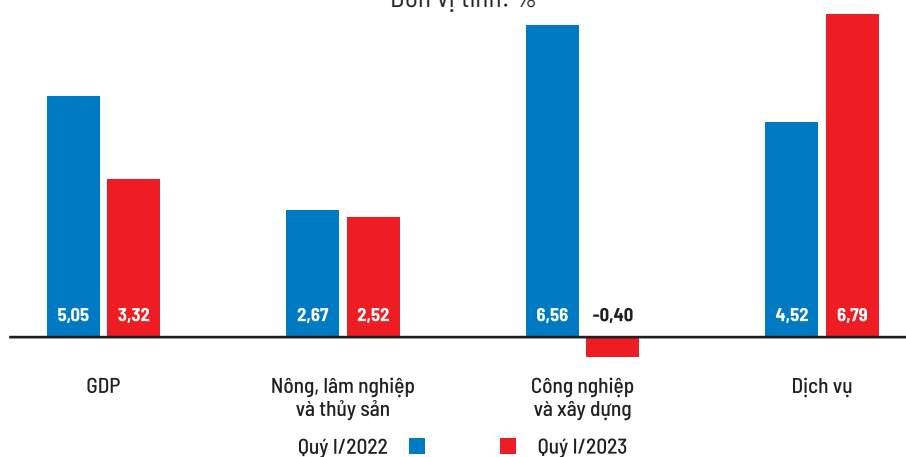
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 03/2023 VÀ QUÝ I/2023

Trong 3 tháng đầu năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn... Trong bối cảnh đó, kinh tế - xã hội quý 1/2023 của Việt Nam cũng có nhiều mặt bị ảnh hưởng và một số kết quả đạt được trong quý đầu năm chưa được như kỳ vọng.

Trong tình hình đó, tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 1/2023 ước tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn mức tăng 3,21% của quý 1/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Những khó khăn của tình hình thế giới đã khiến hàng loạt chỉ số như xuất khẩu giảm mạnh, sản xuất công nghiệp (IIP) suy giảm, doanh nghiệp đóng cửa lần đầu vượt doanh nghiệp đăng ký mới.

TỐC ĐỘ TĂNG GDP QUÝ I SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC

Đơn vị tính: %

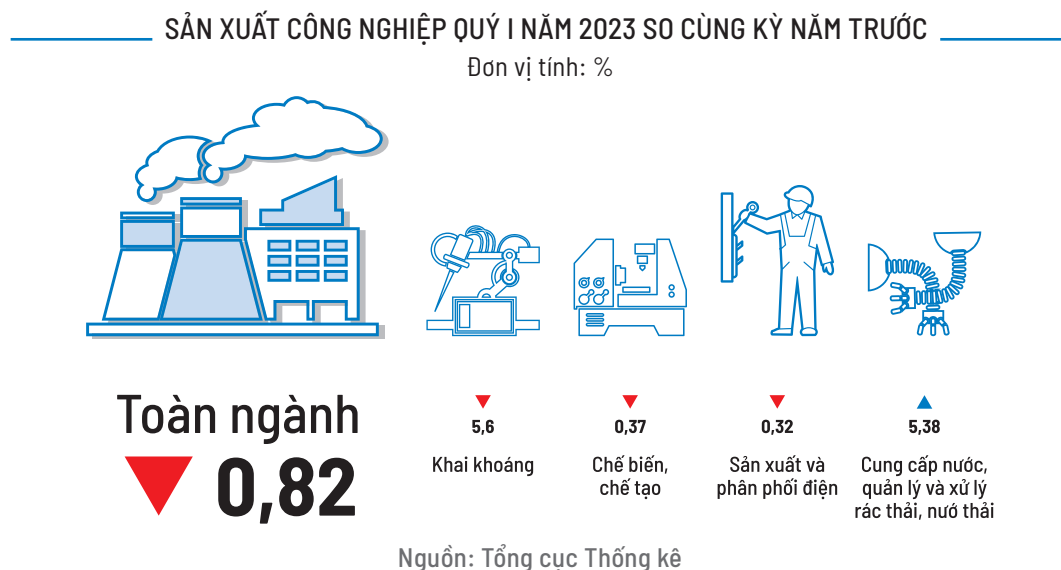


Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp quý I/2023 giảm 0,82% so với cùng kỳ năm trước.



Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,37%, làm giảm 0,1 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện giảm 0,32%, làm giảm 0,01 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,38%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 5,6%, làm giảm 0,2 điểm phần trăm.

Tính chung quý I/2023, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 tăng 6,8%) do kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, biến động khó lường, lạm phát các nước mặc dù hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, đơn hàng giảm, kim ngạch xuất khẩu giảm.

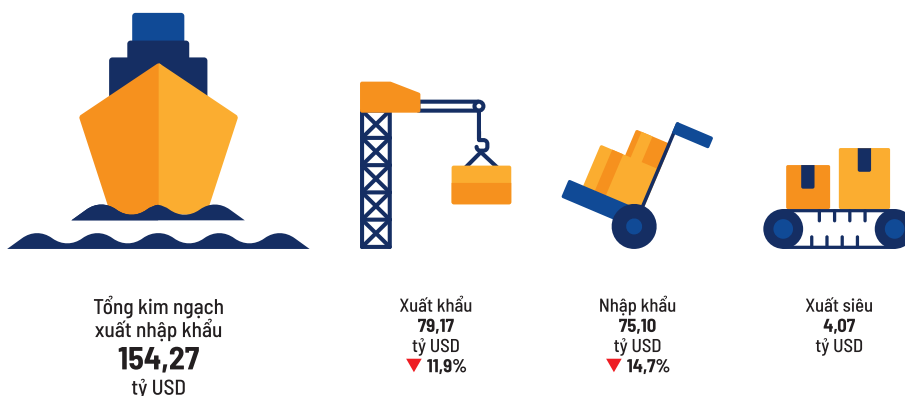
BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

1.1.2. Xuất nhập khẩu

Cũng trong quý I/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 11,9%; nhập khẩu giảm 14,7% tuy nhiên cán cân thương mại hàng hóa quý I/2023 ước tính xuất siêu 4.07 tỷ USD.

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU QUÝ I/2023

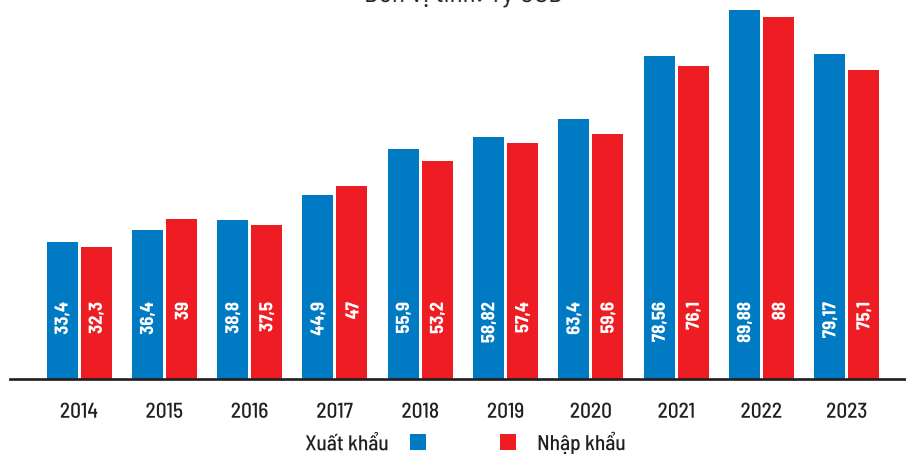
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

KIM NGẠCH XUẤT, NHẬP KHẨU QUÝ I QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ USD



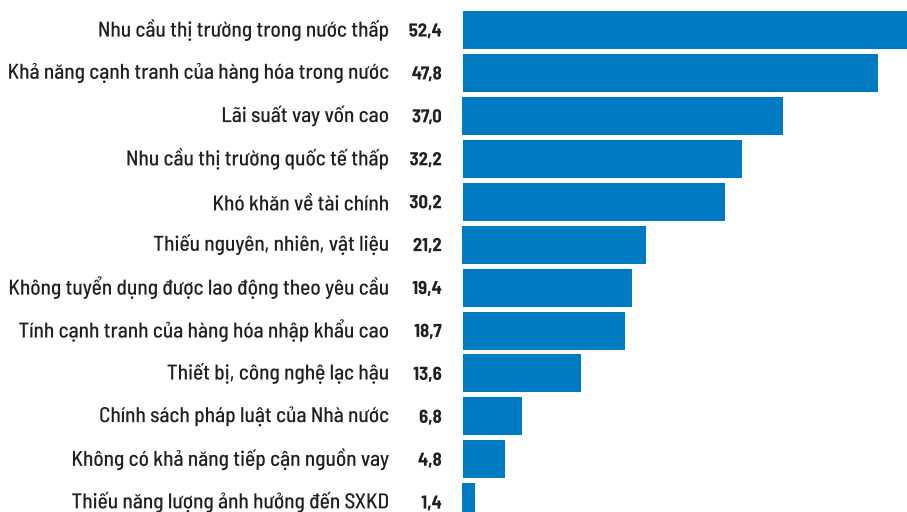
Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tổng cục Thống kê đã thông tin về kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2023. Kết quả cho thấy, có 24,3% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh tốt hơn so với quý IV/2022; 37,2% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 38,5% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.

XU HƯỚNG KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TRONG QUÝ I/2023

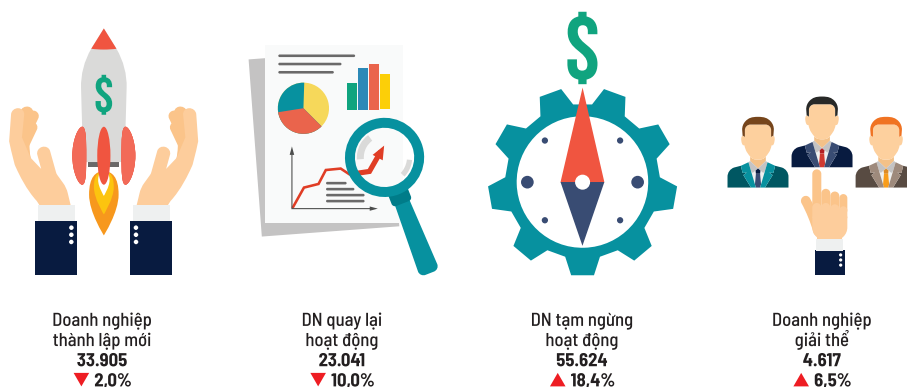
Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trong quý I/2023 đã có gần 34 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 310,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký 212,3 nghìn lao động, giảm 2% về số doanh nghiệp, giảm 34,1% về vốn đăng ký và giảm 12,8% về số lao động so với cùng kỳ năm 2022.

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUÝ I/2023 SO CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC



Nguồn: Tổng cục Thống kê

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

Tính riêng trong tháng 3/2023, cả nước có 14,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 145,7 nghìn tỷ đồng, tăng 60,9% về số doanh nghiệp và tăng 122,2% về vốn đăng ký so với tháng 02/2023. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng 3/2023 đạt 10,2 tỷ đồng, tăng 38,1% so với tháng 2/2023 và giảm 24,3% so với cùng kỳ năm 2022.

1.1.4. Hoạt động đầu tư

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 30/3/2023 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 7,8 tỷ USD, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2023 ước đạt 4,32 tỷ USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I/2023 theo giá hiện hành ước đạt 583,1 nghìn tỷ đồng, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn khu vực Nhà nước tăng 11,5% cho thấy sự quyết tâm nỗ lực của Chính phủ, bộ ngành và địa phương trong việc quyết liệt đẩy mạnh thực hiện nguồn vốn đầu tư công ngay từ các tháng đầu năm nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ QUÝ I/2023



Tổng số
583,1 nghìn tỷ đồng ▲ **3,7%**

Nhà nước
153,0
nghìn tỷ đồng
▲ **11,5%**

Ngoài Nhà nước
328,6
nghìn tỷ đồng
▲ **1,8%**

FDI
101,5
nghìn tỷ đồng
▼ **1,1%**



Tổng vốn đăng ký
5,45 tỷ USD ▼ **38,8%**

Tổng vốn thực hiện
4,32 tỷ USD ▼ **2,2%**

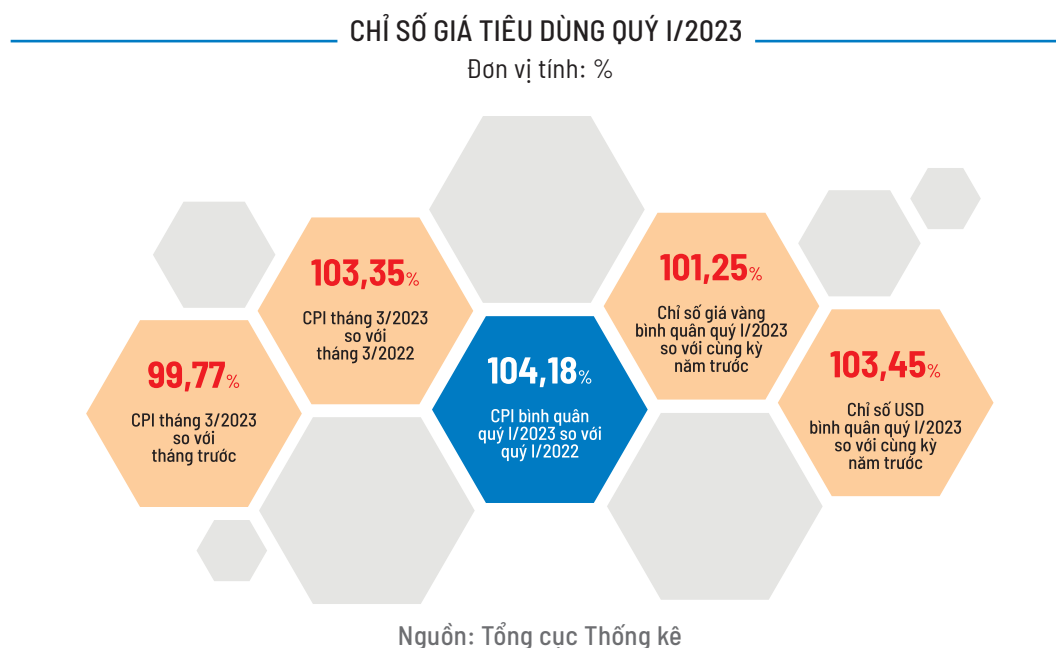
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội
quý I năm 2023

Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam
từ 1/1 đến 20/3/2023

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Giá thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào; giá xăng dầu, giá gas giảm theo giá nhiên liệu thế giới là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 03/2023 giảm 0,23% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng 3 tăng 0,74% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,35%. Tính chung quý I/2023, CPI tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 5,01%.



1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

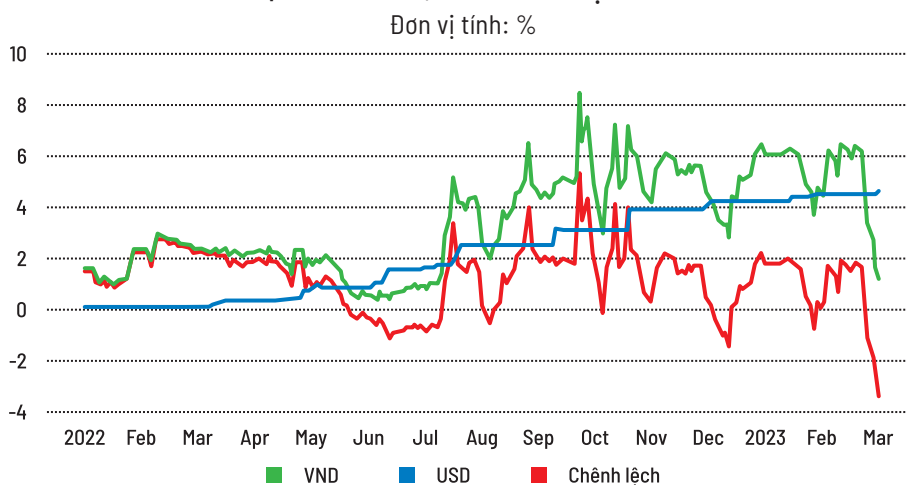
Trước những động thái hạ nhiệt của mặt bằng lãi suất, nhiều chuyên gia đánh giá, thị trường tín dụng có thể sẽ nhộn nhịp hơn do các doanh nghiệp sẽ mạnh dạn vay vốn hơn trước vì đã giải tỏa tâm lý lo ngại gánh nặng tài chính do lãi suất quá cao như trước kia.

Tính đến thời điểm 20/03/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 0,57% so với cuối năm 2022 (cùng kỳ năm 2022 tăng 2,49%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 0,77% (cùng kỳ năm 2022 tăng 2,15%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 1,61% (cùng kỳ năm 2022 tăng 4,03%).

1.2.2. Lãi suất

Lãi suất liên ngân hàng của Việt Nam ngày càng giảm mạnh diễn ra trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế vẫn tiếp tục tăng.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT QUA ĐÊM VND, USD TRÊN THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG



Nguồn: SSI Research

Từ đầu tháng 3/2023, các ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất tiền gửi từ 0,2% đến 0,5%/năm với nhóm kỳ hạn 6 - 12 tháng.

Đến giữa tháng 3/2023, Ngân hàng Nhà nước đã cắt giảm lãi suất tái chiết khấu từ 4,5% xuống 3,5%; Giảm 1% lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng; Hạ trần lãi suất cho vay đối với các khoản vay ngắn hạn trong một số lĩnh vực từ 5,5% xuống 5%.

Tại Báo cáo triển vọng kinh tế Việt Nam quý II/2023 vừa công bố, Ngân hàng UOB dự báo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ cắt giảm lãi suất tái cấp vốn thêm 100 điểm cơ bản xuống mức 5% trong quý tới.

1.2.3. Tỷ giá

Đồng đô la Mỹ tháng 3/2023 trên thị trường thế giới tăng sau khi FED thông báo nâng lãi suất tham chiếu thêm 0,25 điểm phần trăm đưa mức lãi suất lên mức 4,75% - 5% và chỉ số giá tiêu dùng tháng 02/2023 của Mỹ được công bố. Tính đến ngày 25/3/2023, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 103,93 điểm, tăng 0,5% so với tháng trước.

Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 23.862 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2023 tăng 0,47% so với tháng trước; giảm 1,39% so với tháng 12/2022, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước; bình quân quý I/2023, chỉ số giá đô la Mỹ trong nước tăng 3,45%.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

1.2.4. Chứng khoán

Tính chung quý I/2023, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 11.437 tỷ đồng/phiên, giảm 43,3% so với bình quân năm 2022; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 4.740 tỷ đồng/phiên, giảm 38,3%.

3 KỊCH BẢN CHO CHỈ SỐ VNINDEX 2023

Kịch bản	Thận trọng	Trung lập	Lạc quan
Chỉ số VNIndex (điểm)	1.036	1.217	1.411
Tăng trưởng so với 31/12/2022	2,8%	20,9%	40,1%
2022 PE(x)	10,1	11,3	12,5
Tăng trưởng EPS	7,8%	12,8%	17,8%

Nguồn: ACBS

1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 3/2023 tăng 0,22% so với tháng trước, tăng 4,88% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý I/2023, lạm phát cơ bản bình quân tăng 5,01% so với bình quân cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức CPI bình quân chung (tăng 4,18%).

Nguyên nhân chủ yếu do: Bình quân giá xăng dầu trong nước quý I/2023 giảm 11,09% so với cùng kỳ năm trước là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

LẠM PHÁT CƠ BẢN THÁNG 3 VÀ QUÝ I TỪ NĂM 2019 ĐẾN NĂM 2023

Đơn vị tính: %

	2019	2020	2021	2022	2023
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với tháng trước	-0,06	-0,06	-0,12	0,29	0,22
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với cùng kỳ năm trước	1,84	2,95	0,73	1,09	4,88
Lạm phát cơ bản quý I so với cùng kỳ năm trước	1,83	3,05	0,67	0,81	5,01

Nguồn: Tổng cục Thống kê

2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

2.1. Về chủ trương, chính sách

- *Quyết định số 368/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2030.*

Ngày 21/3/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 368/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Tài chính đến năm 2030 nhằm xây dựng nền tài chính quốc gia phát triển bền vững, hiện đại và hội nhập, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và an ninh tài chính quốc gia.

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược, nhằm đảm bảo nguồn lực tài chính ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng; quản lý chi ngân sách Nhà nước (NSNN) hiệu quả; tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN theo hướng bền vững; ưu tiên chi đầu tư phát triển và đảm bảo nguồn lực cho chi trả nợ, tăng cường nguồn lực NSNN cho dự trữ quốc gia, tăng chi đầu tư phát triển con người và bảo đảm an sinh xã hội; giảm dần bội chi NSNN; quản lý nợ công chặt chẽ, đảm bảo an toàn nợ công và an ninh tài chính quốc gia; phát triển đồng bộ, minh bạch và bền vững thị trường tài chính và dịch vụ tài chính; đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công lập; thực hiện tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; đẩy mạnh thực hiện cơ chế quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của Nhà nước; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng tài chính số, thực hiện hiện đại hóa nền tài chính quốc gia.

- *Chủ trương điều chỉnh giảm lãi suất của Ngân hàng Nhà nước*

Để tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giảm lãi suất cho vay nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân, ngày 31/3, Ngân hàng Nhà nước ban hành các quyết định về việc điều chỉnh giảm 0,3-0,5%/năm các mức lãi suất, có hiệu lực từ ngày 3/4. Với lần điều chỉnh này, mặt bằng lãi suất được kỳ vọng sẽ còn giảm thêm, đặc biệt khi NHNN giảm 2 mức lãi suất quan trọng, là lãi suất tái cấp vốn cho các ngân hàng và trần lãi suất huy động.

2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Bước sang năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đối mặt với những thuận lợi và thách thức đan xen từ cả bên trong lẫn bên ngoài. *Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương* đã đưa ra *dự báo cho nền kinh tế Việt Nam* trong năm 2023, theo hai kịch bản, như sau:

DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023

Chỉ tiêu	Kịch bản 1	Kịch bản 2
Tăng trưởng GDP	6,47%	6,83%
Lạm phát bình quân	4,08%	3,69%
Tăng trưởng xuất khẩu	7,21%	8,43%
Cán cân thương mại	5,64 tỷ USD	8,15 tỷ USD

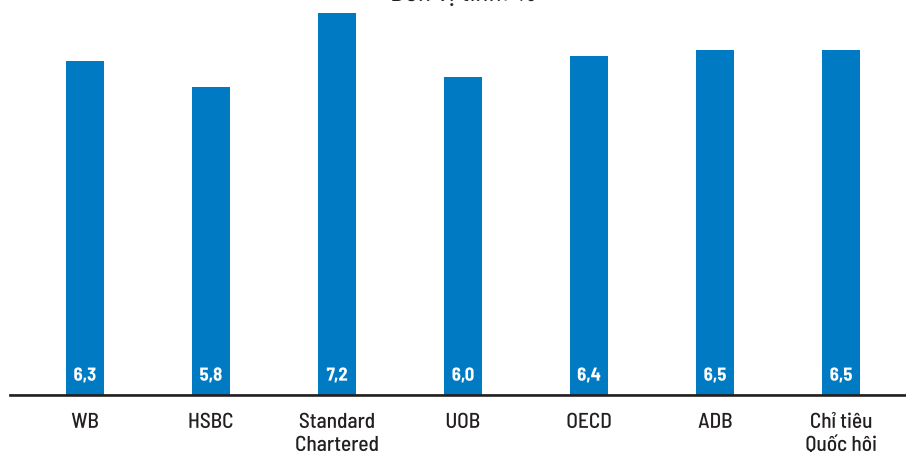
Nguồn: Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

Ngày 13/3, các chuyên gia WB nhận định tăng trưởng *kinh tế của Việt Nam* được dự báo sẽ hạ còn 6,3% trong năm 2023, sau khi đạt mốc cao 8% vào năm trước, do tăng trưởng ở khu vực dịch vụ chững lại, giá cả và lãi suất leo thang ảnh hưởng đến các nhà đầu tư và hộ gia đình. Tuy nhiên, theo WB, GDP của Việt Nam sẽ dần được cải thiện vào quý 2/2023 và 2 năm tiếp theo (2024-2025), với dự báo tăng trưởng lên mức 6,5% mỗi năm.

Còn Ngân hàng Standard Chartered cũng dự báo rất tích cực về tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam với tốc độ 7,2% trong cả năm 2023.

DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM CỦA CÁC TỔ CHỨC

Đơn vị tính: %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Báo cáo của UOB nhận định, kết quả GDP trong quý I của Việt Nam thấp hơn nhiều so với dự kiến, phần lớn là do nhu cầu sụt giảm trên toàn cầu. Nhu cầu trong nước vẫn duy trì đà tăng thể hiện qua hoạt động dịch vụ tăng trưởng ở mức khá.

Tuy nhiên, sự phục hồi mạnh mẽ vào năm 2022 khó có thể bền vững và đà tăng trưởng về tổng thể nhiều khả năng sẽ tiếp tục suy giảm hơn nữa trong năm 2023, với việc quý I/2023 khởi đầu ở mức thấp có thể sẽ kìm hãm kết quả tăng trưởng của cả năm. Do đó, *ngân hàng này hạ dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2023 của Việt Nam xuống mức 6,0%* so với dự báo trước đó là 6,6% và so với mục tiêu 6,5% của Chính phủ.



THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

1.1. Thông tin trong kỳ

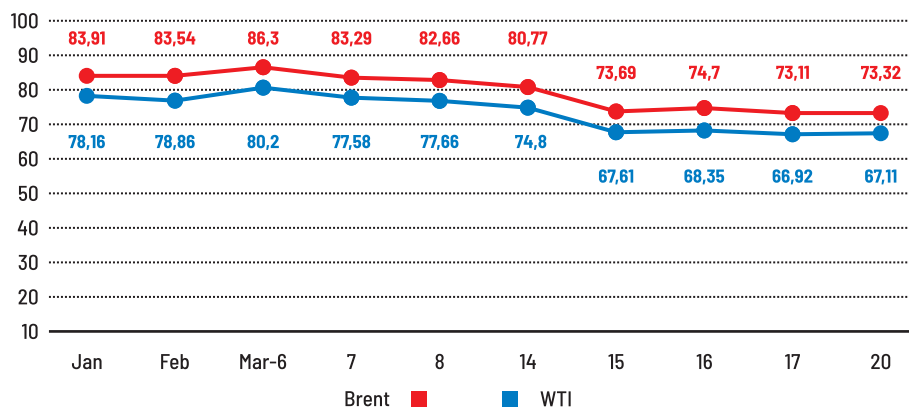
1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Diễn biến giá

Hệ lụy từ khủng hoảng của các ngân hàng Mỹ và châu Âu trong những ngày qua và tác động bởi Fed và ECB tăng lãi suất vài chục điểm phần trăm chỉ trong một thời gian ngắn, dẫn tới các ngân hàng gặp nhiều rủi ro trong kinh doanh, làm cho giá cổ phiếu sụt giảm và ngân hàng mất khả năng thanh toán khiến cho các nhà đầu tư bán tháo các loại cổ phiếu và hàng hóa có nhiều rủi ro như dầu mỏ và đầu tư vào hàng hóa có độ an toàn cao hơn chính là những nguyên nhân dẫn đến giá dầu giảm mạnh trong tháng 3 vừa qua.

DIỄN BIẾN GIÁ DẦU TRƯỚC NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA MỘT SỐ NGÂN HÀNG THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: OPEC

1.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường xăng dầu trong nước liên tục biến động do ảnh hưởng của tình hình thế giới phức tạp và khó lường. Nhằm góp phần bình ổn thị trường xăng dầu trong nước, tránh gây tình trạng đứt gãy nguồn cung Nhà máy Lọc dầu (NMLD) Dung Quất đã tăng công suất vận hành lên 112% để khai thác tối đa các hệ số dự phòng của hệ thống thiết bị và hiệu quả của dây chuyền công nghệ.

1.2. Dự báo

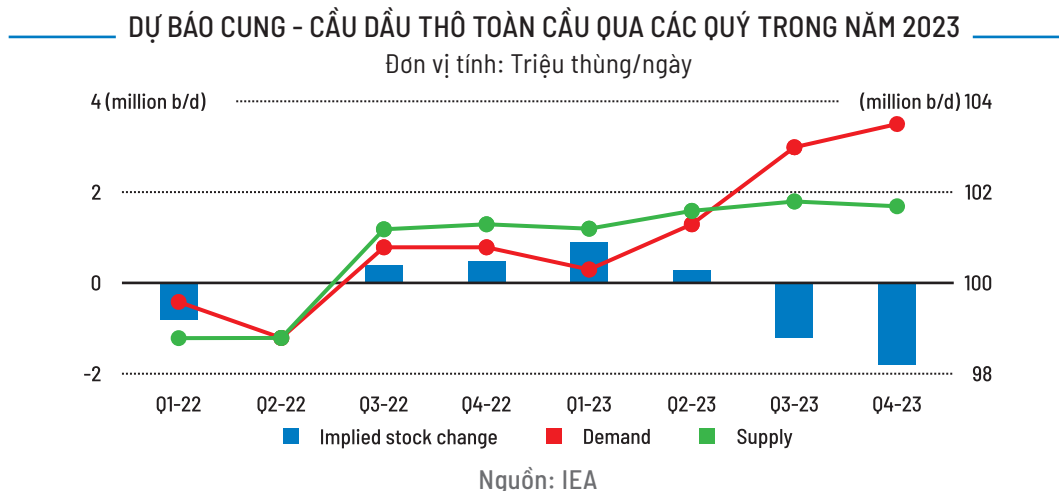
1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

▪ Cầu dầu mỏ

Ngày 14/3, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã dự báo nhu cầu dầu toàn cầu sẽ **tăng trung bình 2,3 triệu thùng/ngày** vào năm 2023. Theo đó, tổng nhu cầu dầu dự báo sẽ đạt mức kỷ lục trung bình **101,9 triệu thùng/ngày**:

- Mức tăng trưởng nhu cầu dầu sẽ đến từ các nước không thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), đặc biệt từ châu Á - Thái Bình Dương, khu vực này sẽ tăng 2,1 triệu thùng/ngày trong 2023, so với 0,2 triệu thùng/ngày từ các quốc gia thuộc OECD.
- Nhu cầu ở châu Mỹ và châu Âu được điều chỉnh giảm nhẹ trong quý đầu tiên và quý thứ hai do triển vọng kinh tế không chắc chắn.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng vừa **nâng dự báo nhu cầu sử dụng dầu thô toàn cầu năm 2023 thêm 100.000 thùng/ngày**, lên mức trung bình **102,03 triệu thùng/ngày** trong bối cảnh nhu cầu đi lại bằng đường hàng không trên thế giới và nhu cầu sử dụng nhiên liệu tại Trung Quốc gia tăng đáng kể. Theo IEA, nhu cầu sử dụng dầu thô trên toàn cầu sẽ tăng dần qua các tháng và đặc biệt **tăng mạnh trong nửa cuối năm nay với mức tiêu thụ có thể đạt tới 103,2 triệu thùng/ngày trong quý 3 và quý 4/2023**. Dự kiến, mức tiêu thụ dầu thô toàn cầu trong năm nay sẽ cao hơn đến 2 triệu thùng/ngày so với năm 2022.



▪ Cung dầu mỏ

Bất chấp việc mở cửa trở lại nền kinh tế Trung Quốc và các lệnh trừng phạt đối với dầu mỏ Nga, **các kho dự trữ vẫn đang đầy lên**.

Vào năm 2023, mức tăng trưởng nguồn cung ngoài OPEC không thay đổi so với tháng trước và dự kiến sẽ **tăng 1,4 triệu thùng/ngày do Hoa Kỳ, Brazil, Na Uy, Canada, Kazakhstan và Nga và Guyana thúc đẩy**.

▪ *Diễn biến giá*

Goldman Sachs đã điều chỉnh dự báo giá dầu cho thời gian còn lại của năm nay. Trước đây họ kỳ vọng dầu Brent sẽ đạt 100 đô la trong nửa sau của năm, giờ đây ngân hàng đầu tư kỳ vọng dầu tiêu chuẩn quốc tế chỉ tăng lên **94 USD/thùng trong 12 tháng tới**.

Đối với *năm 2024*, các nhà phân tích của *Goldman* dự đoán dầu thô Brent sẽ có giá **97 USD/thùng**.

1.2.2. *Thị trường trong nước*

Ngành dầu khí *Việt Nam* được kỳ vọng sẽ có cơ hội **bứt phá** trong trung và dài hạn khi Luật Dầu khí năm 2022 chính thức có hiệu lực **từ ngày 1/7/2023**. Trong bối cảnh sản lượng khai thác ở các mỏ hiện hữu đang suy giảm 5 - 8%/năm do ảnh hưởng của thời gian khai thác (như mỏ Bạch Hổ, cụm mỏ Sư Tử, Tê Giác Trắng, Lan Tây...), việc áp dụng Luật Dầu khí năm 2022 được kỳ vọng sẽ tháo gỡ các nút thắt ở hoạt động thượng nguồn (thăm dò, khai thác), tạo hiệu ứng lan tỏa tới trung nguồn (xử lý khí tự nhiên, vận tải dầu khí) thông qua hoạt động truyền dẫn và phân phối trong trung hạn.

Việc giá dầu thô tiếp tục duy trì ở mức cao sẽ nâng cao hiệu suất tiềm năng trong việc đầu tư ở phân khúc thượng nguồn. Do đó, bên cạnh phát triển thị trường trong nước thì các doanh nghiệp như PVS, PVD có thể tận dụng tốt được nhu cầu gia tăng ở thị trường quốc tế, qua đó đảm bảo được kết quả hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng.

2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

2.1. Thông tin trong kỳ

2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Giá khí đốt tự nhiên giảm mạnh do thời tiết ôn hòa hơn đã làm giảm nhu cầu sưởi ấm, trong khi lượng cung vẫn đang ở mức cao.

EU đang tăng cường năng lực *nhập khẩu LNG* và sẵn sàng chào đón nhiều lô hàng LNG hơn nữa trong năm nay và những năm tới.

Các công ty năng lượng của *Mỹ* đã *bổ sung thêm các giàn khoan khí đốt tự nhiên*. *Sản lượng khí đốt của Mỹ* đã tăng từ mức kỷ lục 98,09 tỷ feet khối/ngày trong năm 2022 *lên 100,27 tỷ feet khối/ngày* vào năm 2023 và dự kiến sẽ đạt 101,68 tỷ feet khối/ngày vào năm 2024.

2.1.2. Thị trường trong nước

Nguồn khí đang khai thác trong nước đang bước vào giai đoạn suy giảm nhanh, đặc biệt nguồn khí từ hệ thống Nam Côn Sơn 1 (Lô 06.1, Lô 11.2 và Lô 12W). Ngoài ra, nguồn khí giá rẻ đã sụt giảm mạnh và thay thế vào đó là nguồn khí có giá cao (Thiên Ưng, Đại Hùng, Sao Vàng - Đại Nguyệt, PM3 - Cà Mau mua từ Malaysia) chiếm tỷ trọng lớn sẽ tác động đáng kể đến chuỗi giá trị ngành.

Sức chứa của hệ thống kho khí hóa lỏng (LPG) còn hạn chế, khi cả nước chỉ có 10 kho có dung tích từ 10.000 m³ trở lên và chưa có kho khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) được đưa vào hoạt động.

2.2. Dự báo

2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Một làn sóng các kho cảng xuất khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) mới sẽ đi vào hoạt động trong vài năm tới và nó có thể tác động đáng kể đến giá khí đốt toàn cầu. Các nhà phân tích cho biết các dự án có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ năng lượng tái tạo rẻ hơn và sự trỗi dậy của năng lượng hạt nhân, có khả năng tạo ra sự bất ổn trên thị trường và khiến một số dự án gặp khó khăn.

Dự báo thời tiết cho thấy hầu hết châu Âu sẽ bắt đầu lạnh hơn bình thường vào tháng Tư, điều này có thể kéo dài mùa sưởi ấm mùa đông và làm tăng nhu cầu khí đốt. Bên cạnh đó, các cuộc đình công đang làm tê liệt hoạt động nhập khẩu LNG và dầu thô, cũng như hoạt động của nhà máy lọc dầu. Đây là 2 nguyên nhân chính khiến giá khí đốt có thể tăng mạnh trong tháng tiếp theo.

2.2.2. Thị trường trong nước

Với sự phát triển nóng và mất cân đối của các loại hình năng lượng tái tạo đã làm thay đổi bức tranh tổng thể về nhu cầu và cơ cấu năng lượng nội địa. Hệ quả là, nhu cầu khí/LNG cho công nghiệp và phát điện sẽ khó để dự báo chính xác trong thời gian tới.

Việc triển khai cũng như vận hành các dự án liên quan đến khí LNG sẽ cần thêm nhiều thời gian để đánh giá, dự kiến nhanh nhất là khi quy hoạch điện VIII được thông qua.

Dự án LNG Thị Vải (dự án LNG đầu tiên tại Việt Nam) đã hoàn thành toàn bộ phần xây dựng cơ khí và dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2023. Dự án Sư Tử Trắng giai đoạn 2B với tổng vốn đầu tư 1,1 tỷ USD dự kiến triển khai EPCI cuối năm 2023 và đi vào hoạt động trong năm 2026.

3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

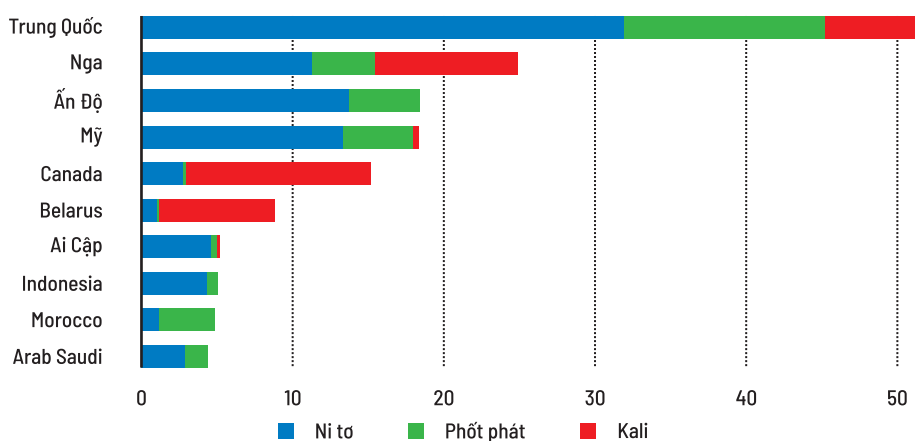
3.1. Thông tin trong kỳ

3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thế giới đang phụ thuộc vào nguồn cung phân bón của một số ít quốc gia - đặc biệt là Nga, Belarus và Trung Quốc. Tương tự như bán dẫn, phân bón đang trở thành điểm nóng trong căng thẳng địa chính trị toàn cầu. Chỉ riêng Trung Quốc và Nga đã nắm hơn 30% sản lượng cho mỗi loại phân bón chính.

10 QUỐC GIA CÓ SẢN LƯỢNG PHÂN BÓN CAO NHẤT

Đơn vị tính: Triệu tấn



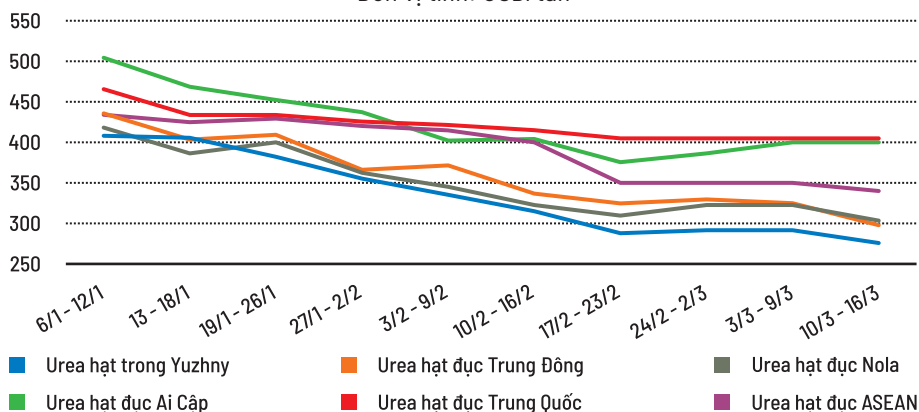
Nguồn: Bloomberg

Ấn Độ cho biết vừa ký kết một loạt các thỏa thuận dài hạn với nhiều quốc gia như Saudi Arabia, Canada, Nga, Oman, Israel, Jordan... để tăng cường nguồn cung phân bón cho nước này.

Giá Ure thế giới giữ xu hướng đi xuống từ đầu năm 2023 đến nay chưa có dấu hiệu tăng mạnh trở lại.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN BÓN TOÀN CẦU

Đơn vị tính: USD/tấn



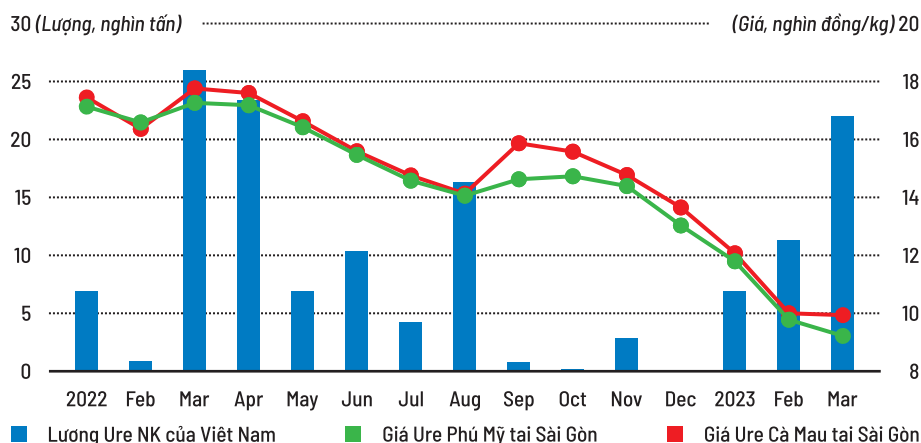
Nguồn: Bloomberg

3.1.2. Thị trường trong nước

Năm 2023 được đánh giá là năm ngành phân bón không còn nhiều lợi thế như năm 2022. Hiện ở trong nước, nguồn cung ure đang dư thừa. Riêng nguồn cung phân bón cho vụ Đông Xuân 2022 - 2023 từ công suất sản xuất phân đạm ure của 4 nhà máy thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem) đã lên tới 2,5 triệu tấn/năm. Trong khi đó, nhu cầu tiêu thụ trong nước chỉ khoảng 1,6 - 1,8 triệu tấn/năm.

Nguồn cung Ure nhập khẩu tăng trong tháng 3/2023 trong bối cảnh giá Ure nội địa giảm xuống mức thấp theo xu hướng giá thế giới.

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ NHẬP KHẨU PHÂN UREA



Nguồn: AgroMonitor

3.2. Dự báo

3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Thị trường phân bón thế giới năm 2023 sẽ tiếp tục đối mặt với tình trạng căng thẳng nguồn cung. nguồn cung phân bón từ các nước xuất khẩu chủ chốt như Belarus và Nga sẽ còn gặp các trở ngại từ các biện pháp trừng phạt của phương Tây trong bối cảnh cuộc xung đột quân sự Nga – Ukraine kéo dài. Trong khi đó, nhiều hãng sản xuất phân bón khác đã cạn kiệt nguồn cung.

Việc Nga tiếp tục hạn chế xuất khẩu trong thời gian tới sẽ khiến tình trạng căng thẳng nguồn cung phân bón trở nên nghiêm trọng hơn, nhất là đối với các dòng phân đạm, và có thể kích hoạt làn sóng tăng giá phân bón mới.

3.2.2. Thị trường trong nước

Giá phân bón đang giảm nhanh khi chi phí khí đốt tự nhiên, nguyên liệu quan trọng để sản xuất phân bón và nhu cầu của nông dân cùng giảm. Đặc biệt, sau khi Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại và không còn hạn chế xuất khẩu 29 loại phân bón, nguồn cung phân bón trên thị trường thế giới không còn tình trạng khan hiếm cục bộ.

Trong trường hợp giá urê tăng thì dòng NPK sẽ không được lợi nhiều, do đây là loại sử dụng urê và DAP là nguyên liệu đầu vào. Urê tăng giá sẽ kéo theo giá bán NPK tăng, người mua nhiều khả năng ít đi, khiến doanh nghiệp giảm lãi.

Trong thời gian tới, thị trường phân bón vẫn sẽ có diễn biến phức tạp, khó lường về giá và nguồn cung, đặc biệt là phân kali do Nga và Belarus cung cấp chiếm gần 50% tổng nhu cầu của toàn thế giới. Trong khi đó, với loại phân bón này, Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu.

4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

4.1. Thông tin trong kỳ

4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Khủng hoảng năng lượng từ xung đột giữa Nga - Ukraine đang làm cho giá điện tại châu Âu tiếp tục tăng thêm. Giá điện bán lẻ tới các hộ gia đình đã tăng khoảng gấp rưỡi tại hầu hết quốc gia châu Âu và dự báo sẽ còn tăng trong năm tới.

4.1.2. Thị trường trong nước

Trong tháng ba, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) đã sản xuất 1.382 triệu kWh điện. Cụ thể, Nhà máy điện Cà Mau 1&2 sản xuất 439,4 triệu kWh; Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sản xuất 363,9 triệu kWh; Nhà máy Thủy điện Hủa Na sản xuất 36,8 triệu kWh; Nhà máy Thủy điện Đakđrinh sản xuất 35 triệu kWh; Nhà máy điện Vũng Áng 1 là 505,3 kWh và Công ty CP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí sản xuất 1,6 triệu kWh.

PV Power đã phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS), Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) và các đơn vị cung cấp dầu để đảm bảo cung ứng đủ nhiên liệu (khí, than, dầu) cho các nhà máy điện vận hành liên tục và ổn định. Ngoài ra, PV Power vẫn tiếp tục nghiên cứu phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo.

4.2. Dự báo

4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) mới đây dự đoán rằng châu Á sẽ chiếm một nửa lượng điện tiêu thụ của thế giới vào năm 2025, với 1/3 lượng điện toàn cầu được tiêu thụ ở Trung Quốc.

Ủy ban châu Âu (EC) đề xuất thay đổi thị trường điện của châu Âu theo hướng tập trung vào việc tăng cường sử dụng các hợp đồng dài hạn và có giá cố định để giá điện không phụ thuộc vào giá nhiên liệu hóa thạch dễ biến động.

Năm 2023 dự kiến giá nhiên liệu (than, dầu, khí) trên thế giới vẫn đang ở mức cao theo các nguồn dự báo, tỷ giá ngoại tệ USD liên tục tăng trong thời gian qua. Đồng thời tỷ trọng các nguồn điện có giá thành rẻ (như thủy điện) có xu hướng giảm và tăng tỷ trọng các nguồn điện có giá bán cao.

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

4.2.2. Thị trường trong nước

Trong năm 2023, dự báo sản lượng điện thương phẩm sẽ đạt khoảng 251,28 tỷ kWh, tăng khoảng 9 tỷ kWh so với năm 2022. Điều này đặt ra nhiều thách thức trong công tác bảo đảm vận hành, cung ứng điện.

Dự án LNG Thị Vải của PVGas đã hoàn thành, sẽ tạo tiền đề phát triển nhà máy điện khí LNG và bổ sung nguồn khí thiếu hụt trong dài hạn.

DỰ BÁO NHU CẦU ĐIỆN TOÀN QUỐC NĂM 2023

	Tổng khối lượng phát điện	So với cùng kỳ	Tỷ trọng	Công suất	Hiệu suất hoạt động
	GWh	%	%	MW	%
Thủy điện	87.768	-8	31	22.681	45
Nhiệt điện than	116.624	11	41	28.452	48
Nhiệt điện khí	33.815	14	12	8.977	43
Nhiệt điện	150.439	12	53	37.429	46
Điện mặt trời trước tháng 6/2019	8.586		3	5.159	19
Điện mặt trời giai đoạn 6/2019 - 12/2020	5.849		2	3.514	19
Điện gác mái giai đoạn 6/2019 - 12/2020	12.907		5	7.755	19
Điện mặt trời	27.343	7	10	16.428	19
Nhập khẩu & khác	4.091	0	1	975	48
Điện gió & năng lượng tái tạo khác	13.370	45	5	7.124	29
Năm 2023	283.011	5,4		84.636	

Nguồn: EVN, MOIT, GSO



PHẦN IV

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trước tình hình biến động vĩ mô từ thị trường tài chính, dầu khí và các sản phẩm dầu, phân bón do tác động của thị trường tài chính thế giới, sự đổ vỡ của một số tổ chức tín dụng Mỹ, biến động của tỷ giá, giá vàng... đã ảnh hưởng rất lớn tới đầu tư cho lĩnh vực dầu khí, năng lượng.

Đặc biệt, trong nửa đầu tháng 3/2023 bức tranh kinh tế vĩ mô của Việt Nam xấu hơn so với dự báo, các thị trường xuất khẩu khó khăn, giảm mạnh so với cùng kỳ 2022 là những tín hiệu rất khó lường, tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).

Để ứng phó với thách thức nói trên PVN cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- *Cần phải tập trung cao vào việc bám sát các diễn biến của thị trường, đặc biệt là thị trường tài chính, thị trường sản phẩm liên quan đến năng lượng - dầu thô, khí và sản phẩm chế biến (lọc dầu, hoá dầu, phân bón...) để có những giải pháp điều hành, liên thông từ khai thác, vận chuyển, chế biến, tồn kho đến sản xuất, tổ chức kinh doanh.*
- *Trong lĩnh vực sản xuất, cần tối ưu chi phí vận hành, bảo dưỡng để giảm thiểu các sự cố, kiểm soát lại các định mức, tối ưu về sản xuất, nâng cao năng suất, công suất.*
- *Trong hoạt động kinh doanh cần phải cân đối chuỗi cung - cầu, đánh giá, tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh trong biến động.*
- *Cần đánh giá tác động của thị trường tài chính đến sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền của Tập đoàn và các đơn vị, tập trung vào quản trị khai thác nguồn lực tài chính để đảm bảo cho công tác sản xuất kinh doanh.*
- *Cập nhật dự báo để đánh giá tồn kho dầu thô và các sản phẩm, đánh giá biến động giá để tối ưu đối với các hợp đồng mua tương lai.*
- *Tăng cường ứng dụng các giải pháp nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh.*
- *Mở rộng thị trường những sản phẩm có thể mạnh; bám sát vào nhu cầu trong nước để duy trì tồn kho ở mức an toàn, hợp lý, lựa chọn thời cơ kinh doanh quốc tế.*

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 4/2023

PHỤ LỤC I

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 3 NĂM 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 3 2023	Quý I 2023	Tỷ lệ so sánh (%)		
					A	B	C
1	Tăng trưởng GDP		n/a	-	-	-	103,2
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a	n/a	105,9	102,9	99,18
3	Hoạt động của doanh nghiệp						
3.1	Thành lập mới	DN	14.200	34.000	160,9	99,4	98,0
3.2	Quay lại hoạt động	DN	6.300	23.000	160,1	146,2	n/a
3.3	Rút lui khỏi thị trường						
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	1.147	42.900	109,1	139,3	120,1
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	3.452	12.800	131,0	139,5	113,1
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.412	4.600	121,0	131,1	106,5
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	-	583,1	-	-	103,7
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD	-	7,8	-	-	80,7
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD	-	4,32	-	-	97,8
4.4	Đầu tư ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm)	Triệu USD					
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	501,3	1.505,3	102,0	113,4	113,9
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	29,57	79,17	113,5	85,2	11,9
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	28,92	75,1	124,4	88,9	85,3
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 0,65	Xuất siêu 4,07	-	-	-

A: Tháng 3/2023 so với tháng trước

B: Tháng 3/2023 so với tháng 3/2022

C: Quý I/2023 so với cùng kỳ năm 2022



 Pexels/Mikhail Nilov



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ
PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH
phối hợp thực hiện